

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5138/UBND-QS

Nha Trang, ngày 29 tháng 6 năm 2023

V/v Thông qua Ban hành Nghị quyết “Đề án Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Trung đội dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố Nha Trang”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang.

- Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 /11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;
- Căn cứ Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 06/12/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023;
- Căn cứ Nghị quyết 823-NQ/ĐU, ngày 08/12/2022 của Đảng ủy Quân sự tỉnh về lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023;
- Căn cứ Công văn số 739-CV/TU ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Nha Trang về việc xây dựng Tiểu đội dân quân thường trực bảo vệ kho vũ khí, đạn và Trung đội Dân quân thường trực thiếu, trực thuộc Ban CHQS thành phố.

Sau khi được Bộ CHQS tỉnh thẩm định và các cơ quan tham gia ý kiến. UBND TP Nha Trang đã chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự thành phố tham mưu chỉnh sửa ý kiến góp ý đối với dự thảo Đề án (lần 1).

Căn cứ cuộc họp Thành viên UBND thành phố ngày 17/5/2023 đã tổ chức thông qua và tham gia ý kiến, góp ý chỉnh sửa Đề án (lần 2)

Căn cứ cuộc họp Ban Thường vụ Thành ủy ngày 27/6/2023 đã tổ chức thông qua và tham gia ý kiến, góp ý chỉnh sửa Đề án (lần 3)

UBND thành phố Nha Trang trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua và ban hành Nghị quyết “Đề án Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Trung đội dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố Nha Trang”

(Đính kèm Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Trung đội dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố Nha Trang)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QS. C3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Thành Nhân

ĐỀ ÁN

Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Trung đội dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố Nha Trang

Phần thứ I

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tình hình AN-CT trên địa bàn cơ bản ổn định, kinh tế tiếp tục tăng trưởng, Quốc phòng an ninh được tăng cường. Trong thời gian tới tập trung quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 55/2022/QH15, ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa; nhằm phát huy tiềm năng lợi thế, tạo bước phát triển toàn diện, bứt phá phát triển kinh tế - xã hội. Song các phần tử phản động, cơ hội chống đối chính trị có thể lợi dụng việc đền bù, giải tỏa, khiếu kiện, tranh chấp đất đai để kích động tạo thành “điểm nóng” ở một số địa phương, gây chia rẽ Đảng, chính quyền với Nhân dân, tiềm ẩn gây mất ổn định chính trị xã hội trên địa bàn.

Thực tiễn lộ trình tinh giảm biên chế lực lượng thường trực theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Quân ủy Trung ương đang đặt ra nhiều vấn đề trong xây dựng lực lượng đối với LLVT thành phố để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Quán triệt thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 06/12/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023; Công văn số 739-CV/TU ngày 27/02/2023 của Thành ủy Nha Trang về việc xây dựng Tiểu đội Dân quân thường trực bảo vệ kho vũ khí, đạn và Trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 16/3/2023 của UBND thành phố Nha Trang về việc Tuyển chọn và thành lập trung đội Dân quân thường trực thành phố Nha Trang năm 2023; Nhằm bảo đảm tốt công tác chuẩn bị, xây dựng, tổ chức và hoạt động của trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố theo đúng quy định, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Do đó, việc ban hành Đề án tổ chức, xây dựng trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố là cần thiết, vừa để thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước, bảo đảm đầy đủ tiêu chuẩn, chế độ quy định để trung đội Dân quân thường trực hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, hoạt động hiệu quả, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự

an toàn xã hội; sẵn sàng lực lượng làm tốt công tác phòng chống dịch, bệnh, phòng cháy chữa cháy, cháy rừng, cháy nổ, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ văn bản quy phạm pháp luật

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Dân quân tự vệ ngày 22 /11/2019;

- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015;

- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

- Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ;

- Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

- Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ.

- Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Quy định trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của Dân quân tự vệ;

- Thông tư số 138/2020/TT-BQP ngày 10/11/2020 của Bộ Quốc phòng về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa tinh thần;

- Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 06/12/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023;

- Nghị quyết 823-NQ/ĐU, ngày 08/12/2022 của Đảng ủy Quân sự tỉnh về lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023;

- Công văn số 739-CV/TU ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Nha Trang về việc xây dựng Tiểu đội dân quân thường trực bảo vệ kho vũ khí, đạn và Trung đội Dân quân thường trực thiếu, trực thuộc Ban CHQS thành phố.

2. Thực trạng công tác tổ chức, xây dựng và hoạt động của lực lượng Dân quân thường trực cấp xã trong những năm qua

a) Công tác xây dựng lực lượng dân quân thường trực

Ban CHQS thành phố tham mưu cho HĐND thành phố ban hành Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND thành phố Nha Trang thông qua Đề án số 187/ĐA-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố Nha Trang về việc tổ chức xây dựng lực lượng huấn luyện và bảo đảm một số chế độ chính

sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2021-2025; UBND thành phố đã chỉ đạo 11 xã, phường được Bộ Quốc phòng công nhận trọng điểm về quốc phòng mỗi xã, phường tổ chức xây dựng 01 tiểu đội dân quân thường trực, tổng quân số 99 đồng chí; lực lượng dân quân thường xuyên củng cố kiện toàn về số lượng, chất lượng, nhiều địa phương đã quan tâm tổ chức đầu tư mua sắm trang thiết bị, trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân quân thường trực để thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Kết quả hoạt động

Trong những năm qua, lực lượng Dân quân thường trực các xã, phường hoạt động có hiệu quả; đã phối hợp cùng Công an, Biên phòng, Kiểm lâm tổ chức tuần tra theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ, bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, địa phương. Từ năm 2012 đến nay, lực lượng Dân quân thường trực có những đóng góp rất quan trọng trong việc giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Ngoài ra, lực lượng Dân quân thường trực còn thực hiện tốt công tác dân vận, vận động quần chúng; là lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ở cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự (*phòng, chống dịch bệnh, lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cháy, nổ...*).

c) Bảo đảm chế độ, chính sách

Thực hiện Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ nay là Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ, Thông tư Liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-LĐTĐ&XH-BNV-BTC ngày 02/8/2010 của Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính và Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua Đề án tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025. Lực lượng Dân quân thường trực được bảo đảm trang phục cá nhân, trang phục dùng chung, nhà ăn, nhà nghỉ, nhà làm việc và mua sắm các trang, thiết bị, phương tiện sinh hoạt, tuần tra; được hưởng trợ cấp ngày công lao động bằng hệ số 0,08 so với mức lương cơ sở hiện hành, tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Phần thứ II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

- Giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của chính quyền địa phương các cấp đối với Dân quân tự vệ; tuân thủ trình tự, thủ tục và đúng các văn bản quy phạm pháp luật.

- Cụ thể hóa Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và một số

văn bản pháp luật khác có liên quan, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ để hoàn thiện Đề án về thực hiện tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng trung đội Dân quân thường trực, bảo đảm tính hợp pháp và thống nhất, phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 11 – CT/TU ngày 06/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa về lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu xây dựng

Tổ chức, xây dựng Trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bố trí ăn, ở tại Ban CHQS thành phố, là lực lượng cơ động sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khẩn cấp, cùng với các lực lượng chức năng giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố; là lực lượng bảo vệ các mục tiêu đặc biệt quan trọng của thành phố và tham gia xử lý các tình huống biểu tình, bạo loạn ở địa phương theo đúng quy định của pháp luật; tham gia ứng phó với các tình huống phòng thủ dân sự trong thời bình.

2. Yêu cầu xây dựng

- Quán triệt, thực hiện nghiêm Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ; Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua Đề án tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025. Tổ chức xây dựng trung đội Dân quân thường trực thiếu, trực thuộc Ban CHQS thành phố để sẵn sàng phối hợp các cơ quan chức năng xử trí các tình huống có thể xảy ra; nhằm nâng cao nhận thức về vị trí chiến lược của công tác xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ nói chung, lực lượng Dân quân thường trực nói riêng; góp phần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

- Xây dựng trung đội Dân quân thường trực thiếu, trực thuộc Ban CHQS thành phố phải bảo đảm chất lượng ngay từ khâu tuyển chọn đầu vào (chất lượng chính trị, tỷ lệ đảng viên, đoàn viên, trình độ văn hóa, sức khỏe,...). Thủ tục thành lập trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố và bổ nhiệm cán bộ phải tuân thủ đúng các quy định của Luật Dân quân tự vệ; trang bị công cụ hỗ trợ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Cũng cố tổ chức biên chế; tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự toàn diện, thiết thực để nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng Dân quân; xây dựng phương án, kế hoạch chiến đấu, quy chế phối hợp hoạt động với lực lượng Công an, Biên phòng, bộ đội thường trực và các lực lượng chức năng; tổ chức luyện tập các phương án, bảo đảm khả năng sẵn sàng chiến đấu cao.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Đối tượng áp dụng: Cán bộ, chiến sĩ trung đội dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố Nha Trang (Công dân (nam) trong độ tuổi tham gia nghĩa vụ Dân quân tự vệ ở các địa phương được xét tuyển, biên chế, sắp xếp vào trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố)

2. Chức năng, nhiệm vụ

Ngoài chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 3 và Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ, lực lượng Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, kỷ luật của Quân đội; các quy định của Bộ Quốc phòng, Quân khu, Bộ CHQS tỉnh và Ban CHQS thành phố.

- Là lực lượng làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu tại Ban CHQS thành phố; có nhiệm vụ phối hợp cùng Công an và các lực lượng chức năng khác theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; Quy chế phối hợp giữa Ban CHQS thành phố với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ trấn áp tội phạm, các đối tượng cầm đầu, quá khích, giải tán gây rối, biểu tình, bạo loạn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; tham gia làm tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ - cháy rừng và bảo vệ an toàn các mục tiêu được phân công.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

3. Phạm vi điều chỉnh: Gồm các nội dung: Nghĩa vụ tham gia Dân quân; Tổ chức biên chế Dân quân tự vệ, số lượng Dân quân thường trực thiếu; mức hưởng chế độ phụ cấp các chức vụ chỉ huy Dân quân; định mức bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân khi thực hiện nhiệm vụ; trang phục, công cụ hỗ trợ của Dân quân... Các nội dung còn lại thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản có liên quan về Dân quân tự vệ.

PHẦN III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUY MÔ TỔ CHỨC, NGUYÊN TẮC TUYỂN CHỌN, BẢO ĐẢM TRANG BỊ

1. Quy mô tổ chức

- Tổ chức 01 trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố, quân số 19 đồng chí, tổ chức thành 02 tiểu đội (gồm 01 Trung đội trưởng; 02 Tiểu đội trưởng và 16 chiến sĩ).

- Trung đội trưởng, tiểu đội trưởng là đảng viên được giới thiệu sinh hoạt tại Chi bộ Ban Tham mưu/Đảng bộ Quân sự thành phố; đoàn viên được giới thiệu sinh hoạt tại Chi đoàn Cơ quan Quân sự thành phố.

2. Nguyên tắc tuyển chọn

a) Tiêu chuẩn tuyển chọn

- Về chính trị

- + Có lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng.

- + Phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối sống trong sáng lành mạnh.

- + Chấp nghiêm đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

- + Đối với cán bộ Dân quân: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc đủ điều kiện để kết nạp vào Đảng. (100% trung đội là Đoàn viên)

- Sức khỏe: Loại 1, 2, 3 theo kết luận của cơ sở y tế cấp thành phố trở lên. Tiêu chuẩn xác định phân loại sức khỏe thực hiện theo Thông tư số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 của liên Bộ Y tế-Bộ Quốc phòng quy định khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự.

- Tuổi đời: Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi.

- Trình độ học vấn: Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

- Có nơi thường trú tại địa phương.

b) Thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng Dân quân thường trực

- Thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng Dân quân thường trực, trực thuộc Ban CHQS thành phố ở trạng thái thường xuyên là 24 tháng.

- Khi có tình huống xảy ra như: Đảm bảo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu hoặc đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn; thì Chỉ huy trưởng Ban CHQS thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân thường trực cấp thành phố nhưng không quá 02 năm.

- Chỉ huy trưởng Ban CHQS thành phố quyết định công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình đối với Dân quân đã tham gia nghĩa vụ Dân quân thường trực là 02 năm theo quy định tại Điều 8 và Điều 13 - Luật Dân quân tự vệ; Điểm a - Khoản 4 - Điều 4 và Điều 42 - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015; đồng thời đăng ký vào ngạch quân nhân dự bị hạng một và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

3. Bảo đảm phương tiện, trang bị, công cụ hỗ trợ.

- Trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố được bảo đảm trang bị, đăng ký và quản lý vũ khí, đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện theo Điều 25 Luật DQTV và Thông tư 76/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng về trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV.

- Ngoài ra, Trung đội Dân quân thường trực còn được trang bị các loại công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ phòng chống gây rối, biểu tình, bạo loạn và thực hiện các nhiệm vụ khác như: Máy bộ đàm, dùi cui và công cụ hỗ trợ khác được biên chế; các loại trang bị phòng hóa, bình chữa cháy, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn...

II. GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

Thực hiện theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ và Quyết định của Bộ CHQS tỉnh Khánh Hòa.

1. Giáo dục chính trị

Ngoài nội dung Giáo dục chính trị theo chương trình quy định chung cho dân quân, trung đội Dân quân thường trực còn được bổ sung một số nội dung về: Âm mưu thủ đoạn “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Luật Quốc phòng, Luật An ninh quốc gia, Luật Dân quân tự vệ, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biển; tình hình nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; thông báo thời sự và tình hình địa bàn (định kỳ) và làm công tác dân vận.

2. Tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập

- Tập huấn cho cán bộ: Trung đội trưởng, tiểu đội trưởng Dân quân thường trực theo đúng đối tượng, đảm bảo đủ nội dung, thời gian theo Thông tư 69/2020/TT-BQP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ Quốc phòng sát với yêu cầu thực tế ở địa phương.

- Huấn luyện: Ngoài nội dung, chương trình huấn luyện quân sự, hậu cần - kỹ thuật theo quy định cho dân quân, hàng năm trung đội Dân quân thường trực được huấn luyện thêm một số nội dung để bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ như: Võ thuật; cách sử dụng các loại công cụ hỗ trợ được trang bị; công tác cứu hộ, cứu nạn, cứu thương; chiến thuật từng người, đội hình tổ, Tiểu đội, Trung đội Dân quân thường trực ngăn chặn, xử trí tình huống biểu tình, bạo loạn; tổ, tiểu đội, trung đội Dân quân thường trực bảo vệ mục tiêu và đánh chiếm lại mục tiêu khi có bạo loạn,...Huấn luyện các nội dung làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự. Thời gian huấn luyện: 60 ngày/năm.

- Hội thi, hội thao: Tham gia hội thao lực lượng Dân quân 01lần/năm.

- Diễn tập: Tham gia diễn tập do các cấp tổ chức theo quyết định; diễn tập phòng chống thiên tai, dịch họa theo quyết định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

III. CƠ CHẾ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, THẨM QUYỀN ĐIỀU ĐỘNG VÀ CHỈ HUY

Thực hiện theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị (Khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 03/10/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 173-HD/ĐUQSTW ngày 15/5/2010 của Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) về một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị; Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các Thông tư, Hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

1. Về lãnh đạo

Đặt dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, mà thường xuyên, trực tiếp là Đảng ủy, Ban CHQS thành phố về xây dựng, huấn luyện, bảo đảm trang bị và sử dụng lực lượng Dân quân thường trực thành phố.

2. Về chỉ đạo

- Chỉ đạo trong tổ chức, xây dựng, quản lý, bảo đảm trang bị, huấn luyện: Giao cho Ban CHQS thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường để chỉ đạo triển khai việc tuyển chọn lực lượng Dân quân; trực tiếp tổ chức xây dựng, quản lý, bảo đảm trang bị; huấn luyện hàng năm, trong đó chú trọng việc bổ sung chương trình huấn luyện thực hiện nhiệm vụ A2 và các nhiệm vụ khác theo đúng chức năng nhiệm vụ.

- Việc sử dụng trung đội Dân quân thường trực trong xử trí các tình huống về gây rối, biểu tình, bạo loạn: Thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và các quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (Trưởng Ban Chỉ đạo tình trạng khẩn cấp về quốc phòng) chỉ huy thống nhất, trực tiếp điều hành lực lượng Dân quân (sau khi đã thống nhất với Bộ CHQS tỉnh) phối hợp, hiệp đồng xử trí các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ.

IV. BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

1. Chế độ, chính sách cụ thể

a) Kinh phí bảo đảm lần đầu

- Bảo đảm doanh trại: Căn cứ Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng: Được bảo đảm nhà ở, kho trang bị, vật dụng hậu cần, điện, nước cho trung đội Dân quân thường trực ăn, ngủ, sinh hoạt, học tập, sẵn sàng chiến đấu hàng ngày tương đương với doanh trại của trung đội bộ binh; Hướng dẫn 1093/HD-TM ngày 12/7/2011 của Bộ Tổng Tham mưu.

- Bảo đảm huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng; Chế độ, định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa tinh thần theo Thông tư số 138/2020/TT-BQP ngày 10/11/2020 của Bộ Quốc phòng.

- Bảo đảm trang bị, công cụ hỗ trợ: Bảo đảm trang bị, công cụ hỗ trợ của lực lượng Dân quân thường trực thực hiện theo Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV; Thông tư số 86/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; Chỉ thị số 19/CT-BTL ngày 14/01/2019 của Tư lệnh Quân khu về trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, đạn ở trạng thái SSCĐ thường xuyên.

Tổng kinh phí bảo đảm lần đầu cho trung đội Dân quân thường trực thiếu là: **326.941.900 đồng** (có phụ lục kèm theo)

b) Kinh phí bảo đảm hàng năm

- Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp đặc thù quân sự: Thực hiện theo điểm d, điểm g, khoản 1, Điều 7, Điều 9 của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. (Điều chỉnh khi Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ)

- Trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn: Được trợ cấp ngày công lao động bằng 120.000 đồng theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hòa (Điều chỉnh khi Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

- Tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; nếu làm việc ở nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại thì được hưởng chế độ theo quy định của Bộ Luật Lao động. Thực hiện theo điểm b, khoản 1, Điều 11, Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định. (Điều chỉnh khi Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ)

- Tiền khám sức khỏe: Thực hiện theo Thông tư số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 của liên Bộ Y tế-Bộ Quốc phòng quy định khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự; Khoản 2, Điều 3 Thông tư 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

- Tuần tra ban đêm. Thực hiện theo điểm a, khoản 1, Điều 34 của Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019.

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ. Thực hiện theo khoản 2, Điều 50 của Luật nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; điểm c, khoản 1, Điều 34 của Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019. Trường hợp thực hiện nhiệm vụ bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương dẫn đến chết, hy sinh thực hiện theo Điều 35 của Luật Dân quân tự vệ; Điều 6, Điều 9, Điều 12, Điều 15 của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định. (Điều chỉnh khi Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ)

- Bảo đảm ăn và tiêu chuẩn lễ, tết: Bảo đảm ăn, uống hàng ngày và tiêu chuẩn lễ, tết, diễn tập bằng mức tiền ăn của Hạ sĩ quan - Binh sĩ bộ binh do Bộ Quốc phòng quy định và được quyết toán (không trừ vào phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động).

- Bảo đảm giải quyết chế độ hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân thường trực: Mức trợ cấp một lần cho dân quân thường trực khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình, cứ mỗi năm phục vụ trong đơn vị dân quân thường trực được trợ cấp bằng 2.980.000 đồng. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến

06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 1.490.000 đồng; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng 2.980.000 đồng theo khoản 2, Điều 12, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. (Điều chỉnh khi Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ)

- Huấn luyện, thực hiện Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng; Quyết định 66/QĐ-TM ngày 15/01/2019 của Bộ Tổng Tham mưu và Thông tư số 138/2020/TT-BQP ngày 10/11/2020 của Bộ Quốc phòng.

Tổng kinh phí bảo đảm thường xuyên hàng năm cho trung đội Dân quân thường trực thiếu là: **1.537.261.610 đồng** (có phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí bảo đảm

Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố được thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước, hàng năm do Ủy ban nhân dân thành phố bảo đảm.

Phần thứ IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ huy quân sự thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan quán triệt, triển khai thực hiện Đề án “Tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm một số chế độ, chính sách đối với trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố Nha Trang”. Ban hành quy chế bảo đảm cho Trung đội hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả.

- Tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự cho trung đội Dân quân thường trực theo chương trình quy định; phối hợp với Công an, Biên phòng và các ngành chức năng tuần tra giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố theo đúng quy chế phối hợp; sẵn sàng cơ động xử trí kịp thời, có hiệu quả các tình huống xảy ra trên địa bàn thành phố, tỉnh Khánh Hòa.

- Hàng năm, lập dự toán ngân sách địa phương bảo đảm chi cho huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách đối với trung đội Dân quân thường trực (trong ngân sách địa phương bảo đảm cho nhiệm vụ QS - QP) trình UBND thành phố quyết định.

- Căn cứ Luật DQTV và các văn bản hiện hành để kiện toàn, tổ chức biên chế theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các phòng, ban, ngành của thành phố

- Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố chủ trì, phối hợp với Ban CHQS thành phố hướng dẫn, theo dõi, bảo đảm ngân sách chi cho nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm một số chế độ, chính sách đối với trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố; kiểm tra việc lập dự toán và thanh quyết toán ngân sách Nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016

của Chính phủ.

- Các phòng, ban, ngành liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho trung đội Dân quân thường trực thiêu trực thuộc Ban CHQS thành phố hoạt động có hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ nội dung Đề án, tổ chức quán triệt, triển khai đến các ngành, đoàn thể địa phương. Chỉ đạo Ban CHQS xã, phường thực hiện tuyển chọn công dân nam trong độ tuổi tham gia nghĩa vụ Dân quân tự vệ để tuyển chọn, xét duyệt, báo cáo UBND thành phố (qua Ban CHQS thành phố) đúng thành phần, đối tượng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có phát sinh về nhiệm vụ mới, tăng số lượng cán bộ, chiến sỹ dân quân so với chỉ tiêu hàng năm thì Ban CHQS thành phố phối hợp với phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố lập dự toán trình UBND thành phố bổ sung kinh phí, bảo đảm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. /

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh Khánh Hòa (b/c);
- UBND tỉnh Khánh Hòa (b/c);
- Bộ CHQS tỉnh Khánh Hòa (b/c);
- Ban Thường vụ Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (b/c);
- UBND TP, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, QS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sỹ Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho Trung đội Dân quân thường trực thiếu trực thuộc Ban CHQS thành phố Nha Trang)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Quân số	Thời gian	Tiêu chuẩn	Thành tiền	Ghi chú
I	Xây dựng lực lượng trung đội Dân quân thường trực					
1	Phụ cấp trách nhiệm					
	-Trung đội trưởng					
	1 đ/c* 298.000*12 tháng	1	12	298.000	3.576.000	Điểm d Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	-Tiểu đội trưởng					
	2 đ/c * 178.800*12 tháng	2	12	178.800	4.291.200	Điểm g Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	Cộng				7.867.200	
2	Phụ cấp đặc thù quốc phòng					
	-Trung đội trưởng					
	1 đ/c* 298.000*12 tháng*50%	1	12	149.000	1.788.000	Khoản 1,2 Điều 9 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	-Tiểu đội trưởng				-	
	2 đ/c * 178.800*12 tháng*50%	2	12	89.400	2.145.600	Khoản 1,2 Điều 9 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	Cộng				3.933.600	
3	Trợ cấp ngày công lao động					
	19đ/c * 120.000*365 ngày	19	365	120.000	832.200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020; Điều 1, khoản 1 Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 7/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hòa
	Cộng				832.200.000	
4	Tiền ăn					
	19đ/c * 65.000*365 ngày	19	365	65.000	450.775.000	Điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	Cộng				450.775.000	

STT	Nội dung chi	Quân số	Thời gian	Tiêu chuẩn	Thành tiền	Ghi chú
5	Tiền khám sức khỏe 19đ/c x 190.000đ	19	1	190.000	3.610.000	Thông tư số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 của liên Bộ Y tế-Bộ Quốc phòng; Khoản 2, Điều 3 Thông tư 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng
	Cộng				3.610.000	
6	Trợ cấp một lần cho Dân quân khi được công nhận hoàn thành NVQS tại ngũ thời bình					
	19đ/c * 1 năm*2.980.000 (tạm tính 1 năm)	19	1	2.980.000	56.620.000	Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	Cộng				56.620.000	
7	Bảo hiểm Y tế					
	- Cán bộ, chiến sỹ: 19đ/c *4,5%*1.490.000*12 tháng	19	12	67.050	15.287.400	Hướng dẫn số 339/BHXH-TC ngày 08/6/2017 của BHXH Bộ Quốc phòng và Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	Cộng				15.287.400	
8	Bảo hiểm xã Hội					
	- Cán bộ, chiến sỹ: 19đ/c *(23%*1.490.000*12 tháng) (Tạm tính mức lương cơ sở)	19	12	342.700	78.135.600	Công văn số 372/DQ-TCLL ngày 07/5/2022 của Cục DQTV và Điểm 4 Điều 12 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
	Cộng				78.135.600	
9	Quân trang (bảo đảm lần đầu) 17 mặt hàng (Phụ lục: 1a kèm theo)	19	1		69.617.900	Phụ lục 2, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
10	Nhu yếu phẩm (bảo đảm lần đầu)					
	Nhu yếu phẩm 18 mặt hàng (Phụ lục: 1b kèm theo)	19	12	156.750	35.739.000	Danh mục số 05 Nghị định 76/2016NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
	Cộng				35.739.000	
11	Tiêu chuẩn tạp chi vệ sinh					

STT	Nội dung chi	Quân số	Thời gian	Tiêu chuẩn	Thành tiền	Ghi chú
	- Tạp chí vệ sinh: 19đ/c *92.500đ/năm	19	1	92.500	1.757.500	Danh mục số 09 Nghị định 76/2016NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
	- Xử lý chất thải, rác thải: 19đ/c *88.800đ/năm	19	1	88.800	1.687.200	
	Cộng				3.444.700	
12	Giường (bảo đảm lần đầu)					
	-Giường bảo đảm					
	19đ/c * 1 cái *4.500.000 (dự kiến 4.500.000 đ/cái)	19	1	4.500.000	85.500.000	Bảng 1 Danh mục số 11 Nghị định 76/2016NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
	Cộng				85.500.000	
13	Doanh cụ nhà ăn (bảo đảm lần đầu)					
	- Trang bị mâm ăn (3 mâm, 6đ/c/1 mâm)	3			14.561.000	Bảng 11 Danh mục số 11 Nghị định 76/2016NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
	- Dụng cụ dùng chung dụng cụ cấp dưỡng				10.540.000	
	- Tạp chí dụng cụ cấp dưỡng				2.474.000	
	- Bếp ga	1	1	2.500.000	2.500.000	
	(Phụ lục 01c kèm theo)					
	Cộng				30.075.000	
14	Điện bảo đảm sinh hoạt					
	11KWh/người/tháng * 12 tháng * 19đ/c * 2.092 đ	19	12	2.920	7.323.360	Bảng 1 nhóm 1 Danh mục số 12 Nghị định 76/2016NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
	Cộng				7.323.360	
15	Nước bảo đảm sinh hoạt					
	0,15m3/người/ ngày *365 ngày * 19 đ/c* 12.441 đ	19	365	12.441	12.941.750	Khoản 1 điều 12 Nghị định 76/2016NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
	Cộng				12.941.750	
16	Doanh cụ phòng sinh hoạt công cộng (bảo đảm lần đầu)					
	Bàn họp hạt xoài: 1cái * 12.500.000	1	1	12.500.000	12.500.000	Bảng 9 Danh mục số 11 Nghị định 76/2016NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
	Ghế tựa: 19 cái*350.000	19	1	350.000	6.650.000	
	Giá để sách báo: 1 cái* 3.200.000	1	1	3.200.000	3.200.000	
	Tivi: 1 cái *13.000.000	1	1	13.000.000	13.000.000	

STT	Nội dung chi	Quân số	Thời gian	Tiêu chuẩn	Thành tiền	Ghi chú
	Bục tượng Bác: 1 cái*2.500.000	1	1	2.500.000	2.500.000	
	Quạt trần: 3 cái * 475.000	3	1	475.000	1.425.000	
	Cộng				39.275.000	
17	Tủ đựng công cụ hỗ trợ (bảo đảm lần đầu)				-	
	3 cái*10.500.000 (dự kiến 3 điểm)	3	1	10.500.000	31.500.000	Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020
	Cộng				31.500.000	
18	Tủ đựng vũ khí trang bị (bảo đảm lần đầu)					
	2 cái *13.500.000 (2 tiểu đội)	2	1	13.500.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020
	Cộng				27.000.000	
19	Huấn luyện trong năm					
	Tạp chi hậu cần: 19đ/c*65.000	19	1	65.000	1.235.000	
	Tạp chi quân y: 19đ/c*20.000	19	1	20.000	380.000	
	Tạp chi huấn luyện quân sự, thể dục thể thao: 19đ/c*46.000	19	1	46.000	874.000	
	Tạp chi bảo đảm kỹ thuật: 19đ/c* 17.000	19	1	17.000	323.000	
	Tạp chi công tác đảng, công tác chính trị: 19đ/c *43.000	19	1	43.000	817.000	
	Thuê phục vụ nấu ăn: 1 đ/c*60 ngày *250.000	1	60	250.000	15.000.000	
	Cộng				18.629.000	
20	Dây phơi quần áo tập thể khi huấn luyện (bảo đảm lần đầu)					
	2 cái *2.500.000	2	1	2.500.000	5.000.000	Hướng dẫn 1083/HD-TM ngày 12/7/2011 của Bộ Tổng Tham mưu
	Cộng				5.000.000	
21	Dây phơi quần áo cải tiến (bảo đảm lần đầu)					
	1 cái * 2.000.000	1	1	2.000.000	2.000.000	Hướng dẫn 1083/HD-TM ngày 12/7/2011 của Bộ Tổng Tham mưu

STT	Nội dung chi	Quân số	Thời gian	Tiêu chuẩn	Thành tiền	Ghi chú
	Cộng				2.000.000	
22	Giá để giày, dép (bảo đảm lần đầu)					
	19 cái* 65.000	19	1	65.000	1.235.000	
	Cộng				1.235.000	
23	Bảo đảm vật chất tham mưu huấn luyện (Phụ lục: 01d kèm theo)	19	1		4.512.000	Thông tư số 78/2010/TT-BQP ngày 23/6/2010 của Bộ Quốc phòng
24	Bảo đảm vật tư công tác đảng, công tác chính trị (Phụ lục: 1e kèm theo)	19	1		41.982.000	- Thông tư số 138/2020/TT-BQP, ngày 10/11/2020 của Bộ Quốc phòng - Hướng dẫn số 09/HD-BCH ngày 31/01/2023 của Bộ CHQS tỉnh
	Tổng cộng				1.864.203.510	

Bằng chữ: (Một tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, hai trăm linh ba nghìn, năm trăm mười đồng)

Mục 9, Phụ lục 1a
BẢO ĐẢM TRANG PHỤC CHO DÂN QUÂN TỰ VỆ

TT	Loại trang phục	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Năm 2023		Ghi chú
				SL	Thành tiền (đồng)	
I	Dân quân thường trực			19	69.617.900	
	bt, at, chiến sĩ DQTT			19	69.617.900	
1	Quần áo	Bộ	410.500	38	15.599.000	
2	Mũ cứng + Sao mũ cứng	Cái	98.400	19	1.869.600	
3	Mũ mềm + Sao mũ mềm	Cái	73.000	19	1.387.000	
4	Giày vải	Đôi	159.600	38	6.064.800	
5	Tất chân	Đôi	26.000	19	494.000	
6	Dây lưng nhỏ	Cái	92.500	19	1.757.500	
7	Áo mưa	Tám	78.000	19	1.482.000	
8	Quần lót	Cái	89.500	38	3.401.000	
9	Áo lót	Cái	87.500	38	3.325.000	
10	Khăn mặt	Cái	73.500	38	2.793.000	
11	Chăn	Cái	549.000	19	10.431.000	
12	Màn	Cái	32.000	19	608.000	
13	Gối	Cái	75.000	19	1.425.000	
14	Chiều	Cái	85.000	19	1.615.000	
15	Đệm giường	Cái	250.000	19	4.750.000	
16	Ba lô	Cái	284.000	19	5.396.000	
17	Áo ấm	Cái	380.000	19	7.220.000	

Bảng chữ: (Sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, chín trăm đồng)

Mục 10, Phụ lục 1b
BẢO ĐẢM VẬT CHẤT VÀ NHU YẾU PHẨM

TT	Tên nhu yếu phẩm	Số lượng	Đơn vị tính	Tháng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đường cát tinh	1	kg	12	20.000	240.000
2	Xà phòng giặt	0.5	kg	12	95.000	570.000
3	Xà phòng tắm	1	Bánh	12	17.000	204.000
4	Dầu gội	0.2	mml	4	55.000	44.000
5	kem đánh răng	1	Ống	4	39.000	156.000
6	Bàn chải	1	Cái	4	10.500	42.000
7	Bàn cạo	1	Cái	1	32.000	32.000
8	lưỡi giao cạo	2	Cái	12	10.000	240.000
9	Bút bi	1	Cây	4	5.000	20.000
10	Giấy viết thư	4	Tờ	12	500	24.000
11	Khăn mùi xoa	2	Cái	1	2.000	4.000
12	Chè khô	0.1	gam	12	75.000	90.000
13	bánh kẹo	0.2	gam	12	50.000	120.000
14	Chỉ khâu	1	cuộn	1	10.000	10.000
15	Kim khâu	5	Cái	1	1.000	5.000
16	Bật lửa	1	Cái	4	3.000	12.000
17	Đèn pin	1	Cái	1	60.000	60.000
18	Pin đèn	4	đôi	1	2.000	8.000
	Cộng					1.881.000
	Tổng cộng	19đc				35.739.000

Bằng chữ: (Ba mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng)

Mục 13, Phụ lục 1c
BẢO ĐẢM DỤNG CỤ VẬT CHẤT NHÀ ĂN

TT	Tên vật chất	Số lượng/ Mâm	Số mâm	Nhu cầu	Đơn giá	Thành tiền
1	Dụng cụ chia 1 bàn/6 người					
-	Đĩa xứ đường kính 20cm	6	3	19	45.000	855.000
-	Bát sứ đường kính 18cm	12	3	36	30.000	1.080.000
-	Bát sứ ăn cơm	12	3	36	25.000	900.000
-	Thìa y nox	6	3	19	15.000	285.000
-	Muôi nhôm dập xới cơm canh	2	3	6	47.000	282.000
-	ống đựng dũa, thìa, tăm inox	1	3	3	65.000	195.000
-	Lọ đựng dấm ớt	1	3	3	119.000	357.000
-	Lọ đựng nước mắm	1	3	3	50.000	150.000
-	Đũa tre	6	3	19	3.000	57.000
-	Bàn tròn inox	1	3	3	1.200.000	3.600.000
-	Ghế tựa inox	6	3	19	350.000	6.650.000
-	Lòng bàn nhựa	1	3	3	50.000	150.000
	Cộng					14.561.000
2	Dụng cụ dùng chung trang bị cấp dưỡng					
-	Chậu nhôm ĐK 60cm	6	1	1	210.000	1.260.000
-	Gáo nhôm mức nước	2	1	1	150.000	300.000
-	Muôi nhôm nhà bếp	3	1	1	50.000	150.000
-	Muôi Inox mức nước mắm	2	1	1	15.000	30.000
-	Muôi đảo cơm	2	1	1	150.000	300.000
-	Muôi inox rán	2	1	1	55.000	110.000
-	Vợt Inox vớt rau	2	1	1	45.000	90.000
-	Bình đựng nước nóng lạnh	1	1	1	1.800.000	1.800.000
-	Xe tiếp phẩm	1	1	1	3.000.000	3.000.000
-	Xe đẩy thức ăn Inox	1	1	1	3.500.000	3.500.000
	Cộng					10.540.000
3	Tạp chi cấp dưỡng					
-	Bộ dao cấp dưỡng	4	1	1	110.000	440.000
-	Thớt gỗ	4	1	1	150.000	600.000
-	Thớt nhựa	1	1	1	75.000	75.000
-	Rổ nhôm đường kính 60cm	6	1	1	89.000	534.000
-	Rá nhôm đường kính 60cm	6	1	1	100.000	600.000
-	Cối đá	1	1	1	150.000	150.000
-	Chày gỗ	1	1	1	75.000	75.000
	Cộng					2.474.000
4	Bếp ga			1	2.500.000	2.500.000
	Tổng cộng 1-4					30.075.000

Bảng chữ: (Ba mươi triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Mục 23, Phụ lục 1d

VẬT CHẤT BẢO ĐẢM HUẤN LUYỆN

(Theo Thông tư số 78/2010/TT-BQP ngày 23/6/2010 của Bộ Quốc phòng)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền (thời điểm năm 2010)	Số tiền (thời điểm năm 2023)	Thành tiền (đồng)
1	Vật chất bảo đảm cho giáo viên	người	6	15.000	37.500	225.000
2	Vật chất bảo đảm cho chiến sĩ			15.000	28.000	912.000
	Vở viết 48 trang (mỗi c/s 5 quyển)	quyển	95	3.000	5.000	475.000
	Bút bi	cái	19	1.000	3.000	57.000
	Ghế nhựa loại nhỏ	cái	19	11.000	20.000	380.000
3	Vật chất bảo đảm cho trung đội (Danh mục theo Điểm b, Mục 3 Khoản IV)	Bộ	1	1.350.000	3.375.000	3.375.000
	Tổng cộng 1-3					4.512.000

Bảng chữ: (Bốn triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng)

Mục 24, Phụ lục 1e
BẢO ĐẢM VẬT TƯ CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ

TT	TÊN TRANG BỊ, VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Trang bị, vật tư, báo chí <i>(Thông tư số 138/2020/TT-BQP, ngày 10/11/2020 của Bộ Quốc phòng)</i>					
I	Trang bị				21.500.000	
1	Đài bán dẫn	Chiếc	1	1.500.000	1.500.000	
2	Đài đĩa	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000	
3	Đầu DVD	Chiếc	1	5.000.000	5.000.000	
4	Máy thu hình 40inch	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	
II	Vật tư				13.645.000	
1	Đĩa DVD (đĩa tuyên truyền các loại)	Chiếc	9	10.000	90.000	
2	Thiết bị lưu trữ kỹ thuật số (USB, Ổ cứng di động)	Chiếc	1	500.000	500.000	
3	Đàn ghita gỗ	Chiếc	1	5.600.000	5.600.000	
4	Dây đàn ghita	Bộ	4	225.000	900.000	
5	Tú lơ khơ	Bộ	10	10.000	100.000	
6	Cờ tướng	Bộ	4	25.000	100.000	
7	Sổ học tập chính trị	Quyển	19	45.000	855.000	
8	Bảng học tập chính trị	Cái	1	5.500.000	5.500.000	
III	Báo chí				1.937.000	
1	Báo QĐND (từ thứ 2 đến thứ 7)	Tờ	313	4.200	1.314.600	
2	Tạp chí văn nghệ Quân đội	Quyển	12	25.000	300.000	
3	Báo QĐND cuối tuần (Chủ nhật)	Tờ	52	6.200	322.400	
B	Vật chất tuyên truyền, cổ động trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu <i>(HD số 09/HD-BCH ngày 31/01/2023 của Bộ CHOS tỉnh Khánh Hòa)</i>				4.900.000	
1	Pa nô cổ động thao trường	Cái	1	2.700.000	2.700.000	
2	Hộp báo thao trường	Cái	1	1.000.000	1.000.000	
3	Cờ đoàn + cán cờ	Lá	1	200.000	200.000	
4	Cờ tổ quốc + cán cờ	Lá	1	200.000	200.000	
5	Băng rôn cổ động thao trường	Cái	1	800.000	800.000	
	Cộng A-B				41.982.000	

Bảng chữ: (Bốn mươi một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn đồng)